ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**
Số: 4840/KH-ĐHBK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng , ngày 20 tháng 12 năm 2023*

# KẾ HOẠCH
## Kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Thực hiện Công văn số 5311/ĐHĐN-TCCB ngày 14/12/2023 của Đại học Đà Nẵng về việc kê tài sản, thu nhập năm 2023, Trường Đại học Bách khoa triển khai kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

**1. Mục đích**

Thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người thuộc đối tượng kê khai, tài sản; phục vụ cho công tác quản lý viên chức và góp phần phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

**2. Yêu cầu**

Tổ chức kê khai, công khai và quy định phạm vi công khai phải đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### II. NỘI DUNG

**1. Phương thức, thời điểm và đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

a) Kê khai hằng năm gồm:

- Phó trưởng đơn vị, tổ trưởng và tương đương trở lên (Phó Trưởng bộ môn, Trưởng bộ môn không thuộc đối tượng kê khai tài sản);

- Kế toán viên.

b) Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

Việc kê khai phải hoàn thành của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại điểm a Khoản 1 Mục II của Kế hoạch này.

**2. Mẫu bản kê khai:** Thực hiện theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

*Lưu ý khi kê khai tài sản, thu nhập:*

a) Viên chức có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai hằng năm, do đó phải kê khai Mục III "Biến động tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm" và tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

b) Không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu, nếu nội dung nào không có thì để trống.

c) Người kê khai phải ký tên từng trang và ký, ghi họ tên, ngày tháng năm ở trang cuối cùng của bản kê khai.

d) Việc kê khai (kể cả kê khai bổ sung hoặc kê khai trong trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung) phải hoàn thành **trước ngày 05/01/2024** và nộp **03** bản chính về Phòng Tổ chức - Hành chính.

**3. Hình thức công khai và kế hoạch công khai bản kê khai tài sản**

a) Hình thức công khai: Công khai trong cuộc họp.

b) Thành phần công khai: Theo danh sách đối tượng kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023 của đơn vị.

c) Phạm vi công khai:

- Đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu thực hiện công khai tại cuộc họp với thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu; Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội cựu Chiến binh trường; Kế toán trưởng; Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc trường;

- Đối với phó trưởng đơn vị, Tổ trưởng và tương đương trở lên và kế toán viên thực hiện công khai tại cuộc họp của đơn vị với thành phần gồm: toàn thể viên chức và người lao động của đơn vị.

*Lưu ý:* Cuộc họp công khai bản kê tài sản, thu nhập phải đảm bảo các yêu cầu:

+ Phải đảm bảo đủ thời lượng, số lượng người tham dự cuộc họp tối thiểu 2/3 số người triệu tập;

+ Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình; phải ghi biên bản cuộc họp với sự tham gia của đại diện công đoàn của đơn vị; biên bản cuộc họp phải ghi lại các ý kiến phản ảnh, thắc mắc và giải trình về bản kê khai (nếu có) có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn của đơn vị.

d) Kế hoạch công khai:

| STT | Nội dung | Thời gian | Đơn vị chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|
| 1 | Ban hành kế hoạch và danh sách đối tượng kê khai, công khai TSTN | 20/12/2023 | Phòng TC-HC |
| 2 | Cá nhân thực hiện kê khai | 21/12/2023 - 29/12/2023 | Đối tượng kê khai theo danh sách |
| 3 | Triển khai công khai TSTN tại đơn vị | 02/01/2024 - 04/01/2024 | Các đơn vị |
| 4 | Nộp bản kê khai và biên bản họp | 05/01/2024 | Các đơn vị |

| STT | Nội dung | Thời gian | Đơn vị chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|
| 5 | Rà soát và thực hiện tổng hợp báo cáo | 05/01/2024 - 08/01/2024 | Phòng TC-HC |

**4. Tổ chức thực hiện**

a) Giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính phân công cán bộ thu thập thông tin phản hồi của viên chức Nhà trường đối với các bản kê khai tài sản, thu nhập và ghi biên bản các thông tin phản hồi (nếu có); thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và triển khai thực hiện, đồng thời báo cáo Hiệu trưởng các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của đơn vị mình, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh đề nghị báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) để được hướng dẫn thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- ĐHĐN (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (để t/h);
- Lưu: VT, TCHC.

**HIỆU TRƯỞNG**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu**

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NỘP BẢN KÊ KHAI NĂM 2023

*(Kèm theo Kế hoạch số: 4840 /KH-ĐHBK ngày 20 tháng 12 năm 2023)*

| STT | Họ và tên | Chức vụ/ Chức danh nghề nghiệp | Cơ quan kiểm soát | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thanh tra Chính phủ | Bộ GDĐT | ĐHĐN | |
| **I.** | **Hội đồng Trường** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Đình Lâm | Chủ tịch HĐT | x | | | |
| **II.** | **Ban Giám hiệu** | | | | | |
| 2 | Nguyễn Hữu Hiếu | Hiệu trưởng | x | | | |
| 3 | Lê Tiến Dũng | Phó Hiệu trưởng | | x | | |
| 4 | Nguyễn Hồng Hải | Phó Hiệu trưởng | | x | | |
| 5 | Huỳnh Phương Nam | Phó Hiệu trưởng | | x | | |
| **III.** | **Phòng Tổ chức - Hành chính** | | | | | |
| 6 | Nguyễn Quang Trung | Trưởng phòng | | | x | |
| 7 | Nguyễn Văn Cả | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| 8 | Đỗ Thế Cần | Phó Trưởng phòng | | | x | KK lần đầu |
| **IV.** | **Phòng Công tác Sinh viên** | | | | | |
| 9 | Huỳnh Hữu Hưng | Trưởng phòng | | | x | |
| 10 | Phan Thị Thúy Hằng | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| **V.** | **Phòng Cơ sở Vật chất** | | | | | |
| 11 | Phạm Thành Hưng | Trưởng phòng | | | x | |
| 12 | Huỳnh Tấn Tiến | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| 13 | Nguyễn Thanh Cường | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| **VI.** | **Phòng Đào tạo** | | | | | |

| STT | Họ và tên | Chức vụ/ Chức danh nghề nghiệp | Cơ quan kiểm soát | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thanh tra Chính phủ | Bộ GDĐT | ĐHĐN | |
| 14 | Nguyễn Thị Diệu Hằng | Phó Trưởng phòng PT | | | x | |
| 15 | Võ Ngọc Dương | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| 16 | Nguyễn Anh Tuấn | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| **VII.** | **Phòng Kế hoạch - Tài chính** | | | | | |
| 17 | Phạm Minh Tuấn | Kế toán trưởng | | | x | |
| 18 | Nguyễn Anh Huân | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| 19 | Nguyễn Thị Hạnh | Kế toán | | | x | |
| 20 | Phạm Thị Thu Hiền | Kế toán | | | x | |
| 21 | Nguyễn Thị Thảo Sương | Kế toán | | | x | |
| 22 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Kế toán | | | x | |
| **VIII.** | **Phòng Khảo thí và ĐBCLGD** | | | | | |
| 23 | Phạm Thị Đoan Trinh | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| 24 | Lâm Thị Hồng Nhật | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| **IX.** | **Phòng KHCN và HTQT** | | | | | |
| 25 | Tào Quang Bảng | Trưởng phòng | | | x | |
| 26 | Võ Tuấn Minh | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| **X.** | **Phòng Thanh tra - Pháp chế** | | | | | |
| 27 | Trương Hữu Trì | Trưởng phòng | | | x | KK lần đầu |
| 28 | Trần Diễm Thi | Phó Trưởng phòng | | | x | |
| **XI.** | **Tổ Công nghệ Thông tin** | | | | | |
| 29 | Phạm Anh Tuấn | Tổ trưởng | | | x | |
| **XII.** | **Trung tâm Học liệu và Truyền thông** | | | | | |
| 30 | Nguyễn Văn Triều | Giám đốc TT | | | x | |

| STT | Họ và tên | Chức vụ/ Chức danh nghề nghiệp | Cơ quan kiểm soát | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thanh tra Chính phủ | Bộ GDĐT | ĐHĐN | |
| 31 | Phan Thị Hà Thanh | Phó Giám đốc TT | | | x | KK lần đầu |
| **XIII.** | **Trung tâm HTSV và QHDN** | | | | | |
| 32 | Huỳnh Thanh Tùng | Phó Giám đốc PT | | | x | |
| 33 | Phan Minh Thắng | Phó Giám đốc | | | x | |
| **XIV.** | **Khoa Công nghệ Nhiệt - Điện lạnh** | | | | | |
| 34 | Trần Thanh Sơn | Trưởng khoa | | | x | |
| 35 | Huỳnh Ngọc Hùng | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XV.** | **Khoa Cơ khí** | | | | | |
| 36 | Lưu Đức Bình | Trưởng khoa | | | x | |
| 37 | Hoàng Văn Thạnh | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 38 | Lê Hoài Nam | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XVI.** | **Khoa Cơ khí Giao thông** | | | | | |
| 39 | Phạm Quốc Thái | Trưởng khoa | | | x | |
| 40 | Phan Thành Long | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 41 | Nguyễn Quang Trung | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XVII.** | **Khoa Công nghệ Thông tin** | | | | | |
| 42 | Nguyễn Tấn Khôi | Trưởng khoa | | | x | |
| 43 | Đặng Hoài Phương | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 44 | Phạm Công Thắng | Phó Trưởng khoa | | | x | KK lần đầu |
| **XVIII.** | **Khoa Điện** | | | | | |
| 45 | Lê Đình Dương | Phó Trưởng khoa, PT | | | x | |
| 46 | Võ Quang Sơn | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XIX.** | **Khoa Điện tử - Viễn thông** | | | | | |

| STT | Họ và tên | Chức vụ/ Chức danh nghề nghiệp | Cơ quan kiểm soát | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thanh tra Chính phủ | Bộ GDĐT | ĐHĐN | |
| 47 | Ngô Minh Trí | Trưởng khoa | | | x | |
| 48 | Phan Trần Đăng Khoa | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 49 | Bùi Thị Minh Tú | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XX.** | **Khoa Hóa** | | | | | |
| 50 | Đặng Minh Nhật | Trưởng khoa | | | x | |
| 51 | Đoàn Thị Thu Loan | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 52 | Hồ Viết Thắng | Phó Trưởng khoa | | | x | KK lần đầu |
| **XXI.** | **Khoa Kiến trúc** | | | | | |
| 53 | Nguyễn Anh Tuấn | Trưởng khoa | | | x | |
| 54 | Nguyễn Xuân Trung | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XXII.** | **Khoa Môi trường** | | | | | |
| 55 | Nguyễn Đình Huấn | Trưởng khoa | | | x | |
| 56 | Phan Như Thúc | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XXIII.** | **Khoa Quản lý Dự án** | | | | | |
| 57 | Phạm Anh Đức | Trưởng khoa | | | x | |
| 58 | Ngô Ngọc Tri | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XXIV.** | **Khoa Xây dựng Cầu đường** | | | | | |
| 59 | Cao Văn Lâm | Trưởng khoa | | | x | |
| 60 | Phan Hoàng Nam | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 61 | Trần Thị Phương Anh | Phó Trưởng khoa | | | x | KK lần đầu |
| **XXV.** | **Khoa Xây dựng Dân Dụng & Công nghiệp** | | | | | |
| 62 | Trần Quang Hưng | Trưởng khoa | | | x | |
| 63 | Nguyễn Văn Chính | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| 64 | Đặng Công Thuật | Phó Trưởng khoa | | | x | |

| STT | Họ và tên | Chức vụ/ Chức danh nghề nghiệp | Cơ quan kiểm soát | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thanh tra Chính phủ | Bộ GDĐT | ĐHĐN | |
| **XXVI.** | **Khoa Xây dựng Công trình Thủy** | | | | | |
| 65 | Nguyễn Chí Công | Trưởng khoa | | | x | |
| 66 | Đoàn Viết Long | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XXVII.** | **Khoa Khoa học CN Tiên tiến** | | | | | |
| 67 | Nguyễn Lê Hoà | Trưởng khoa | | | x | |
| 68 | Nguyễn Thị Anh Thư | Phó Trưởng khoa | | | x | |
| **XXVIII.** | **Công đoàn Trường ĐHBK** | | | | | |
| 69 | Lê Khánh Toàn | Chủ tịch | | | x | |
| 70 | Nguyễn Lan Phương | Phó Chủ tịch | | | x | |
| **XXIX.** | **Đoàn thanh niên Trường ĐHBK** | | | | | |
| 71 | Võ Như Tùng | Bí thư | | | x | |
| 72 | Nguyễn Hoàng Trung Hiếu | Phó Bí thư | | | x | |
| 73 | Huỳnh Đức Trí | Phó Bí thư | | | x | |
| 74 | Trương Ngọc Sơn | Phó Bí thư | | | x | |

***Người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập năm 2023: 74 người***